

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07-02-2023

V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Bé Hai;

2. Bà Nguyễn Thị Phụng;

- T kX phiên tòa: Bà Trần Hồng Thẩm - T kX Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 07 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 404/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 572/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11a/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị M**, sinh năm 19XX;

Địa chỉ: ấp B, xã B1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh **Bùi Anh T**, sinh năm 19XX;

Địa chỉ: ấp B, xã B1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2022; biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 27/12/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm chị Trần Thị M là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị M và anh T kết hôn với nhau năm 2002, có đăng kX kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 02/11/2002.

Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng thời gian gần đây vợ chồng Tồng xuyên cự cãi do anh T không chăm lo cho vợ con. Ngoài ra, anh T còn có tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, khi chị M khuyên thì anh T còn dùng vũ lực với chị. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên anh T để hàn gắn tình cảm

cho vợ chồng, nhưng anh T vẫn không thay đổi. Mặc dù vợ chồng vẫn còn sống chung với nhau nhưng mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến nhau. Từ tháng 12/2022 đến nay chị M và anh T đã sống ly thân. Sau khi ly thân không ai có X định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, tình cảm hai bên không thể hàn gắn được, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên chị Trần Thị M yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Anh T.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Trần Như X, sinh ngày 03/8/2003 và Bùi Trần Anh T, sinh ngày 24/4/2009. Hiện nay, con chung Như X đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết; con chung Anh T đang sống với chị M. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Anh T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Vợ chồng không nợ ai, cũng không cho ai nợ.

Bị đơn là anh Bùi Anh T đã được được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản X kiến, không tham gia phiên hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Chị Trần Thị M có đơn yêu cầu ly hôn với anh Bùi Anh T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con*”.

Anh Bùi Anh T là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: ấp B, xã B1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Bùi Anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lX do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M, Hội đồng xét xử nhận định: Chị M và anh T kết hôn với nhau vào năm 2002 và có đăng kX kết hôn tại UBND xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 02/11/2002, do đó hôn nhân giữa chị M và anh T là hợp pháp.

Chị M cho rằng cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, Từng xuyên xẩy ra cự cãi; Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không chăm lo cho vợ con, ngoài ra anh T còn có tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, khi chị M khuyên thì anh T còn dùng vũ lực với chị. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên anh T để hàn gắn

tình cảm cho vợ chồng nhưng anh T vẫn không thay đổi. Từ tháng 12/2022 đến nay chị M và anh T đã sống ly thân. Sau khi ly thân không ai có X định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị M cho rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh T không thể hàn gắn. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T, anh T hiện đang sinh sống tại địa phương, biết rõ chị M yêu cầu ly hôn nhưng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và không gửi X kiến về nội dung khởi kiện của chị M.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị M và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị M.

- **Về con chung:** Chị 02 con chung tên Bùi Trần Như X, sinh ngày 03/8/2003 và Bùi Trần Anh T, sinh ngày 24/4/2009. Hiện nay, con chung Bùi Trần Như X đã trưởng thành, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với con chung Bùi Trần Anh T hiện đang sống với chị M. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được quyền nuôi con chung Anh T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ vào bản tự khai ngày 27/12/2022 con chung Bùi Trần Anh T có nguyện vọng được sống với chị M. Mặc khác, con chung Bùi Trần Anh T do chị M nuôi dưỡng vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần và đi học bình Tòng. Do đó, giao con chung tên Bùi Trần Anh T, sinh ngày 24/4/2009 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do chị M là người trực tiếp nuôi con Bùi Trần Anh T, sinh ngày 24/4/2009 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- **Về tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có.

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị M phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo biên lai số: 0009860 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban Tổng vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị M.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị M được ly hôn với anh Bùi Anh T.

2. Về con chung: Chị Trần Thị M được tiếp tục nuôi con chung tên Bùi Trần Anh T, sinh ngày 24/4/2009. Anh Bùi Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Bùi Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Con chung Bùi Trần Như X, sinh ngày 03/8/2003 đã trưởng thành, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Trần Thị M phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0009860 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hữu Hà

